

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

*Kèm theo*

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**



**MỤC LỤC**

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc</b>	2 - 4
<b>2. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	5 - 6
<b>3. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</b>	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
- Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 58

# TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần (dưới đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### 1. Thông tin chung

Tổng Công ty Thương mại Hà Nội tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định 129/2004/QĐ – TTg ngày 14/07/2004 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 125/2004/QĐ – UBND ngày 11/08/2004 của UBND thành phố Hà Nội. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100101273, thay đổi lần thứ 32 ngày 22/10/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 2.200.000.000.000 đồng (*Hai nghìn hai trăm tỷ đồng chẵn*) được chia thành 220.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

### 2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

Thành viên Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ghi chú</u>
Ông Nguyễn Thái Dũng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên	
Ông Vũ Thanh Sơn	Thành viên	
Bà Trần Thị Tuyết Nhung	Thành viên	
Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm	Thành viên	(Từ nhiệm ngày 27/05/2021)

Thành viên Ban Tổng giám đốc của Tổng Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Vũ Thanh Sơn	Tổng Giám đốc	
Ông Đinh Tiến Thành	Phó Tổng giám đốc	(Từ nhiệm ngày 16/09/2021)
Bà Dương Thị Lam	Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng	
Bà Đỗ Tuệ Tâm	Phó Tổng giám đốc	
Ông Lê Anh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	

Thành viên Ban Kiểm soát của Tổng Công ty đã điều hành hoạt động của Tổng Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Trưởng Ban
Bà Vũ Thị Quỳnh Trang	Thành viên BKS
Ông Nguyễn Trọng Hiện	Thành viên BKS

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**3. Trụ sở**

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 38 - 40, Phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm.

**5. Các sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty bị phản ánh sai lệch.

**6. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tổng Công ty.

**8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập phù hợp với Các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tổng Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**9. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022

**THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**VŨ THANH SƠN**

Số: 40 /2022/BCKT-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc  
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần được lập ngày 31 tháng 03 năm 2022, từ trang 07 đến trang 58, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày,

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Tại ngày phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Cointra và Liên danh Trung tâm Thương mại Ngã Tư Sở (đầu tư vào đơn vị khác) để xem xét trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (nếu có). Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 của Tổng Công ty.

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam**



**Dương Thị Thảo**

Phó Tổng giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0162-2018-242-1

**Trịnh Thu Huyền**

Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2993-2019-242-1

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****Mẫu số B 01 – DN/HN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.072.797.656.608</b>	<b>1.156.009.326.901</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>55.469.027.028</b>	<b>17.832.797.445</b>
1. Tiền	111		41.983.853.947	17.364.780.235
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.485.173.081	468.017.210
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.14</b>	<b>-</b>	<b>151.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	151.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>944.684.597.613</b>	<b>905.308.638.726</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	238.419.441.338	247.718.502.444
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	353.442.824.070	366.055.425.266
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	242.655.622.067	180.655.622.067
4. Các khoản phải thu khác	136	5.7	106.566.414.405	107.094.456.588
5. Dự phòng phải thu khó đòi	137	5.5	(2.909.885.904)	(2.725.549.276)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.8	6.510.181.637	6.510.181.637
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>37.274.474.787</b>	<b>46.455.204.791</b>
1. Hàng tồn kho	141		37.274.474.787	46.992.677.619
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(537.472.828)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>35.369.557.180</b>	<b>35.412.685.939</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	19.318.686.877	19.703.985.143
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.337.865.041	15.118.163.752
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.19	713.005.262	590.537.044
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.952.792.239.824</b>	<b>1.907.126.247.991</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>10.302.350.311</b>	<b>11.482.521.511</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.2	9.203.258.828	9.255.830.028
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.7	1.195.426.865	2.323.026.865
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	5.5	(96.335.382)	(96.335.382)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>577.369.288.878</b>	<b>564.610.854.451</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.12	530.596.534.409	517.512.432.178
- Nguyên giá	222		765.479.551.397	733.825.594.120
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(234.883.016.988)	(216.313.161.942)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.13	46.772.754.469	47.098.422.273
- Nguyên giá	228		49.827.523.114	49.827.523.114
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.054.768.645)	(2.729.100.841)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.11</b>	<b>105.527.918.731</b>	<b>109.201.754.263</b>
- Nguyên giá	231		131.527.016.822	131.527.016.822
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(25.999.098.091)	(22.325.262.559)



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Mẫu số B 01 – DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>733.216.261.678</b>	<b>709.705.915.450</b>
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241	5.10	466.315.603.794	462.822.951.772
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	266.900.657.884	246.882.963.678
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.14</b>	<b>227.927.641.616</b>	<b>239.168.186.147</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		162.918.944.512	172.864.489.043
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		66.303.697.104	66.303.697.104
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.295.000.000)	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>298.448.778.610</b>	<b>272.957.016.169</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	256.853.057.825	258.403.080.577
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.19	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
2. Lợi thế thương mại	269		41.595.720.785	14.553.935.592
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3.025.589.896.432</b>	<b>3.063.135.574.892</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Mẫu số B 01 – DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>748.949.443.296</b>	<b>783.296.988.951</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>346.511.718.637</b>	<b>319.279.463.088</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	32.131.759.960	40.459.033.232
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	14.262.235.867	9.597.236.559
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.19	1.653.472.726	2.265.039.162
4. Phải trả người lao động	314		4.596.189.531	5.341.738.500
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	6.688.217.889	6.333.095.822
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.18	5.574.722.466	6.743.287.641
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.20	63.138.339.649	63.669.831.533
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.21	216.150.172.805	182.572.235.705
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		396.524.003	396.524.003
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.920.083.741	1.901.440.931
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>402.437.724.659</b>	<b>464.017.525.863</b>
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	5.16	55.699.264.705	56.067.446.523
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.18	58.936.937.637	61.453.839.705
3. Phải trả dài hạn khác	337	5.20	13.195.319.995	10.971.050.287
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.21	274.569.198.912	334.427.278.502
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		37.003.410	1.097.910.846
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.276.640.453.136</b>	<b>2.279.838.585.941</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.22</b>	<b>2.276.640.453.136</b>	<b>2.279.838.585.941</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.200.000.000.000	2.200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.200.000.000.000	2.200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		315.664.802	315.664.802
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(529.920.000)	(529.920.000)
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		16.834.960.235	16.834.960.235
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		33.437.085.252	33.437.085.252
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		27.572.162	27.572.162
7. Lợi nhuận chưa phân phối	421		6.157.870.018	10.537.593.042
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.168.069.319	7.961.280.487
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		989.800.699	2.576.312.555
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		20.397.220.667	19.215.630.448
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3.025.589.896.432</b>	<b>3.063.135.574.892</b>

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc









NGUYỄN THU HẰNG

DƯƠNG THỊ LAM

VŨ THANH SƠN

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 02 – DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>6.1</b>	<b>618.554.851.916</b>	<b>946.942.374.702</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	50.201.051	6.468.189.548
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>618.504.650.865</b>	<b>940.474.185.154</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>6.3</b>	<b>530.671.990.284</b>	<b>817.401.412.947</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>87.832.660.581</b>	<b>123.072.772.207</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	76.209.969.220	89.051.687.983
7. Chi phí tài chính	22	6.5	48.114.605.067	53.937.098.922
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		45.269.185.910	46.837.579.161
8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		4.014.569.521	(6.891.765.530)
9. Chi phí bán hàng	25	6.8	49.157.205.780	61.506.324.973
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	89.312.831.539	93.921.109.767
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(18.527.443.064)</b>	<b>(4.131.839.002)</b>
12. Thu nhập khác	31	6.6	20.041.081.012	5.735.981.083
13. Chi phí khác	32	6.7	3.139.989.657	1.357.456.055
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>16.901.091.355</b>	<b>4.378.525.028</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(1.626.351.709)</b>	<b>246.686.026</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	221.793.124	260.222.108
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	37.003.411
<b>18. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>(1.848.144.833)</b>	<b>(50.539.493)</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		989.800.699	2.181.974.071
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(2.837.945.532)	(2.232.513.564)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	4,50	9,92
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11	4,50	9,92

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






NGUYỄN THU HẰNG

DƯƠNG THỊ LAM

VŨ THANH SƠN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Mẫu số B 03 – DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(1.626.351.709)</b>	<b>246.686.026</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		29.464.026.627	27.984.737.626
- Các khoản dự phòng	03		941.863.800	1.701.997.787
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		63.503.003	588.120.260
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(74.586.576.113)	(73.521.193.861)
- Chi phí lãi vay	06		45.269.185.910	46.837.579.161
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	(1.401.026.599)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(474.348.482)</b>	<b>2.436.900.400</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		72.358.123.630	114.514.958.992
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		9.718.202.832	19.160.836.704
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(29.412.646.022)	(77.729.721.619)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(28.899.412.613)	(14.983.193.378)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(47.213.941.313)	(44.093.936.244)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		284.764.356	(22.903.862.374)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(217.840.459)	(16.586.535.188)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(23.857.098.071)</b>	<b>(40.184.552.707)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(42.997.300.864)	(36.783.614.259)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.395.854.488	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(149.000.000.000)	(507.466.353.254)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		237.000.000.000	497.065.077.118
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(17.724.687.364)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		12.230.480.000	198.161.572.508
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		29.093.201.700	35.121.182.756
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>87.722.235.324</b>	<b>168.373.177.505</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 03- DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(529.920.000)
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		409.221.182.755	1.376.445.366.688
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(435.501.325.245)	(1.554.038.721.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(43.975.048.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(26.280.142.490)</b>	<b>(222.098.323.112)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>37.584.994.763</b>	<b>(93.909.698.314)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>17.832.797.445</b>	<b>111.600.373.229</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		51.234.820	142.122.530
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>55.469.027.028</b>	<b>17.832.797.445</b>

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

NGUYỄN THU HẰNG

Kế toán trưởng

DƯƠNG THỊ LAM

Tổng Giám đốc



VŨ THANH SƠN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Mẫu số B 09-HN/DN**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn:**

Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần, (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định 129/2004/QĐ – TTg ngày 14/07/2004 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 125/2004/QĐ – UBND ngày 11/08/2004 của UBND thành phố Hà Nội. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100101273, thay đổi lần thứ 32 ngày 22/10/2021 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất của Tổng Công ty đến ngày 31/12/2021 là 2.200.000.000.000 đồng (*Hai nghìn hai trăm tỷ đồng*), tương đương 220.000.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần 10.000VND/cổ phần.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thương mại, bất động sản.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:**

Hoạt động sản xuất kinh doanh theo đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ sản phẩm thuốc lá nội, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Kinh doanh hàng miễn thuế - Bán lẻ hoa, cây cảnh - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt (trừ dịch vụ kính thuốc) - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh - Bán lẻ xe đạp và phụ tùng ;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Sản xuất rượu vang; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Sản xuất các loại bánh từ bột; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh; Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; Chế biến và bảo quản rau quả; Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Sản xuất giày dép; Sản xuất đường;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, Chi tiết: Khách sạn Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Mẫu số B 09-HN/DN**

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Hoạt động thiết kế chuyên dụng (trừ dịch vụ thiết kế công trình); Hoạt động công ty nắm giữ tài sản; Dịch vụ đóng gói; Đại lý, môi giới, đấu giá, Chi tiết: Đại lý; Sản xuất ca cao, sôcôla và mút kẹo; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá); Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất, Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty kinh doanh; Nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm); Bán buôn gạo; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, Chi tiết: - Bán buôn phân bón; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu, Chi tiết: Khai thác tận thu khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Xây xát và sản xuất bột thô; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh, Chi tiết: Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn; Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ các loại đồ chơi có hại cho sự giáo dục, phát triển nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự, an toàn xã hội);
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh, Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh; Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng Bán lẻ hàng hoá khác đã qua sử dụng (không bao gồm di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; Bán buôn tổng hợp; Bán mô tô, xe máy; Trồng cây điều; Trồng cây hồ tiêu; Trồng cây cà phê; Trồng cây chè; Trồng cây gia vị, cây dược liệu; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào. Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá nội, thuốc lào; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm); Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá nội, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa. Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy và bìa.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Mẫu số B 09-HN/DN**

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm: Kinh doanh buôn bán tổng hợp, Xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty kinh doanh; Nhập khẩu ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp:**

Tổng Công ty có các Công ty con gồm:

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội	83,42%	83,42%	Số 38 - 40 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội
2	Công ty Cổ phần Rượu Hapro	54,58%	54,58%	KCN Hapro, Lệ Chi, Gia Lâm, Hà Nội
3	Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ nghệ và Du lịch Thương nhân	52,50%	52,50%	Số 11B, Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
4	Công ty Cổ phần Sự kiện và Ẩm thực Hapro	59,87%	59,87%	Số nhà 172 Ngọc Khánh, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội
5	Công ty Cổ phần Công nghệ phẩm Hải Dương	54,13%	54,13%	Số 150, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
6	Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến XNK Điều Bình Phước	80,43%	80,43%	Tổ 4, Ấp Thuận Hải, Xã Thuận Phú, Huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

- (1) Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105384642 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 06 năm 2011, thay đổi lần thứ 9 ngày 02 tháng 7 năm 2021.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 61.591.000.000 đồng (*Sáu mươi một tỷ năm trăm chín mươi một triệu đồng*), được chia thành 6.159.100 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000đ/cổ phần.

- (2) Công ty Cổ phần Rượu Hapro được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102164984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 02 năm 2007, thay đổi lần thứ 05 ngày 26 tháng 06 năm 2020.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 32.978.600.000 đồng (*Ba mươi hai tỷ chín trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng*), được chia thành 3.297.860 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000đ/cổ phần.

- (3) Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ nghệ và Du lịch Thương nhân được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102333368 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 07 năm 2007, thay đổi lần thứ 08 ngày 02 tháng 12 năm 2015.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (*Mười tỷ đồng*), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000đ/cổ phần.



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Mẫu số B 09-HN/DN**

- (4) Công ty Cổ phần Sự kiện và Âm thực Hapro được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104175117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 09 năm 2009, thay đổi lần thứ 13 ngày 25 tháng 12 năm 2020.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 17.035.000.000 đồng (*Mười bảy tỷ không trăm ba lăm triệu đồng*), được chia thành 1.703.500 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000đ/cổ phần.

- (5) Công ty Cổ phần Công nghệ phẩm Hải Dương được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800009770 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2005, thay đổi lần thứ 8 ngày 09 tháng 01 năm 2015.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 2.250.000.000 đồng (*Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng*), được chia thành 22.500 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 100.000 đồng/cổ phần.

- (6) Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến XNK Điều Bình Phước là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3801099028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 24 tháng 04 năm 2015, thay đổi lần thứ 2 ngày 15 tháng 11 năm 2021.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 50.000.000.000 đồng (*Năm mươi tỷ đồng*), được chia thành 5.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

**Tổng Công ty có các Công ty liên kết gồm:**

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Vang Thăng Long	38,42%	38,42%	Số 3/191 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội
2	Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Hà Nội	31,19%	31,19%	Số 47, Nguyễn Hồng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
3	Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu	30,00%	30,00%	Thôn Chu Đậu, xã Thái Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội	33,42%	33,42%	Số 38 - 40 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
5	Công ty Cổ phần Kinh doanh XNK An Phú Hưng	40,00%	40,00%	Số 5C/1, tổ 8, khu phố 1A, Phường An Phú, TX Thuận An, Bình Dương
6	Công ty Cổ phần Thông tin Hapro	26,77%	26,77%	Tầng 6, Tòa nhà Hapro, 11B Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội
7	Công ty Cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên	30,94%	30,94%	Số 561, Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Hà Nội
8	Công ty TNHH Cao Ốc Á Châu	40,00%	40,00%	Số 6 phố Nhà Thờ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
9	Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi	30,00%	30,00%	Số 11B Tràng Thi - Phường Hàng Trống - Quận Hoàn Kiếm
10	Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Du lịch Hà Nội	40,00%	40,00%	Phòng 1602 VP3 - Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Mẫu số B 09-HN/DN**

11	Công ty Cổ phần Dịch vụ XNK Nông sản Hà Nội	42,38%	42,38%	Số 210 Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội
12	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Chợ Bưởi	30,00%	30,00%	Chợ Bưởi - Phường Bưởi - Tây Hồ - Hà Nội
13	Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	20,00%	20,00%	Số 24 – 26 Trần Nhật Duật – Hoàn Kiếm – Hà Nội
14	Công ty Cổ phần Thủy Tạ	30,00%	30,00%	Số 1-6 Lê Thái Tổ - Phường Hàng Trống - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
15	Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm	42,33%	42,33%	Khu Công nghiệp Hapro, Xã Lệ Chi, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội
16	Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	25,5%	25,5%	Số 11B phố Cát Linh, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
17	Công ty Cổ phần Nội thất sinh thái Hapro	20,00%	20,00%	Khu công nghiệp thực phẩm Hapro, xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

(1) Công ty Cổ phần Vang Thăng Long là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101275603 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 05 năm 2002, thay đổi lần thứ 15 ngày 16 tháng 06 năm 2021.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 50.599.920.000 đồng (*Năm mươi tỷ năm trăm chín mươi chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*), được chia thành 5.059.992 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(2) Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2006, thay đổi lần thứ 07 ngày 18 tháng 04 năm 2018.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 24.800.000.000 đồng (*Hai mươi tư tỷ tám trăm triệu đồng*), được chia thành 248.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 100.000 đồng/cổ phần.

(3) Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800889229 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2011, thay đổi lần thứ 04 ngày 12 tháng 08 năm 2019.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 20.000.000.000 đồng (*Hai mươi tỷ đồng*), được chia thành 2.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(4) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102544224 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 11 năm 2006, thay đổi lần thứ 15 ngày 29 tháng 11 năm 2017.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 40.000.000.000 đồng (*Bốn mươi tỷ đồng*), được chia thành 4.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(5) Công ty Cổ phần Kinh doanh XNK An Phú Hưng là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701669394 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 14 tháng 01 năm 2010, thay đổi lần thứ 02 ngày 01 tháng 12 năm 2011.

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 09-HN/DN

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (*Mười tỷ đồng*), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(6) Công ty Cổ phần Thông tin Hapro là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105702077 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 12 năm 2011, thay đổi lần thứ 04 ngày 28 tháng 11 năm 2017.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (*Mười tỷ đồng*), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(7) Công ty Cổ phần Thương mại – Đầu tư Long Biên là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100596869 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 11 năm 2003, thay đổi lần thứ 13 ngày 18 tháng 12 năm 2018.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 15.000.000.000 đồng (*Mười lăm tỷ đồng*), được chia thành 1.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 50.000.000.000 đồng (*Năm mươi tỷ đồng*), được chia thành 5.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(8) Công ty TNHH Cao ốc Á Châu là Công ty TNHH được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100145961 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 04 năm 2008, thay đổi lần 03 ngày 14 tháng 08 năm 2019.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 12.636.225.000 đồng (*Mười hai tỷ sáu trăm ba mươi sáu triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

(9) Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107528836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04 tháng 08 năm 2016.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (*Mười tỷ đồng*), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(10) Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Du lịch Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102048258 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 10 năm 2006, thay đổi lần thứ 04 ngày 03 tháng 06 năm 2015.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 6.000.000.000 đồng (*Sáu tỷ đồng*), được chia thành 600.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(11) Công ty Cổ phần Dịch vụ XNK Nông sản Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107589 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 06 năm 1993, thay đổi lần thứ 13 ngày 01 tháng 12 năm 2015.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 40.000.000.000 đồng (*Bốn mươi tỷ đồng*), được chia thành 4.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(12) Công ty Cổ phần ĐTTM & Dịch vụ chợ Bưởi được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102137243 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 11 năm 2020.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Mẫu số B 09-HN/DN**

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 50.000.000.000 đồng (*Năm mươi tỷ đồng*), được chia thành 5.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(13) Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106803 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2005, thay đổi lần thứ 15 ngày 25 tháng 10 năm 2021.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 145.000.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi lăm tỷ đồng*), được chia thành 14.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(14) Công ty Cổ phần Thủy Tạ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107268 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 03 năm 2006, thay đổi lần thứ 10 ngày 09 tháng 07 năm 2019.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 30.000.000.000 đồng (*Ba mươi tỷ đồng*), được chia thành 3.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(15) Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102144804 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần thứ 05 ngày 14 tháng 07 năm 2016.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 47.250.000.000 đồng (*Bốn mươi bảy tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng*), được chia thành 4.725.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(16) Công ty Cổ phần Phân phối Hapro được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104600241 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 04 năm 2010, thay đổi lần thứ 11 ngày 11 tháng 10 năm 2018.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (*Mười tỷ đồng*), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(17) Công ty Cổ phần Nội thất Sinh thái Hapro được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103828564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 05 năm 2009, thay đổi lần thứ 05 ngày 25 tháng 09 năm 2017.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng*), được chia thành 2.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

**Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

STT	Đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
1	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần – Trung tâm Xuất nhập khẩu phía Bắc	11B Cát Linh – Hà Nội
2	Trung tâm kinh doanh hàng miễn thuế	C4 – Giảng Võ – Hà Nội
3	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần – Trung tâm kinh doanh Siêu thị Hapromart	11B Cát Linh - Hà Nội
4	Trung tâm kinh doanh chợ đầu mối Bắc Thăng Long	Hải Bối - Đông Anh - Hà Nội
5	Trung tâm kinh doanh chợ đầu mối phía Nam	Đền Lừ - Hoàng Mai - Hà Nội
6	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần – Trung tâm chế biến hàng xuất khẩu	Tổ 47 - Đông Anh - Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Mẫu số B 09-HN/DN**

7	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần tại Thành phố Hồ Chí Minh	77 – 79 - Phó Đức Chính - Quận 1 - Hồ Chí Minh
8	Trung tâm kinh doanh chợ Thượng Đình	Thượng Đình - Thanh Xuân - Hà Nội
9	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần tại tỉnh Đồng Tháp	Tổ 10 - Ấp Tân Thuận B - Tân Dương - Lai Vung – Đồng Tháp
10	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần tại tỉnh Hưng Yên	Tổ dân phố Trại – Phường Dị Sử - Thị xã Mỹ Hào – Tỉnh Hưng Yên

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được lập nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu về quản lý của các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần (Công ty mẹ), và các Công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất với Công ty mẹ thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết trên Báo cáo tài chính hợp nhất được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Mẫu số B 09-HN/DN**

**III. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Số lao động của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2021: 475 người.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

**1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Tổng Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3. Các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

**Các khoản cho vay**

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

**Các khoản đầu tư vào công ty liên, doanh liên kết và đầu tư khác**

**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:**

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản khác mà Tổng Công ty

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Mẫu số B 09-HN/DN**

nhận được ngoài lợi nhuận được chia được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

**4. Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Tổng Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- |  |                               |
|--|-------------------------------|
| - Hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ | Giá bình quân gia quyền tháng |
| - Các công trình xây dựng                    | Thực tế đích danh             |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

**6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

**6.1 Tài sản cố định hữu hình**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Mẫu số B 09-HN/DN**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc thiết bị	05 - 08 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 20 năm

**6.2 Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty như sau:

Phần mềm máy tính	03 - 08 năm
Quyền sử dụng đất	Không khấu hao



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 09-HN/DN

**7. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là bất động sản do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua vào bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về pháp luật liên quan, trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây dựng là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương đương với các tài sản cố định cùng loại.

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

**9. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

Tổng Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ.

**10. Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Tổng Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

**11. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Mẫu số B 09-HN/DN**

chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**12. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, khoản vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

**13. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

**14. Vốn chủ sở hữu**

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, vốn khác của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**15. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Tổng Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được tính toán một cách tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Mẫu số B 09-HN/DN**

- (v) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.
- (vi) Thu nhập khác là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

**16. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng (giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm).

Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tổng Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.

Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

**17. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá trị khối lượng xây lắp bán ra trong kỳ, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**18. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí nhân viên, khấu hao TSCĐ, thuế, phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Tổng Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Mẫu số B 09-HN/DN**

vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

**20. Thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Thuế suất thuế GTGT đối với hàng hóa dịch vụ thông thường của Tổng Công ty là 5% hoặc 10%.

Thuế suất thuế GTGT đối với hàng hóa dịch vụ xuất khẩu là 0%.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành của Việt Nam.

***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):***

Tổng Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Trong năm 2021, Công ty Cổ phần Công nghệ phẩm Hải Dương được hưởng chính sách giảm 30% số thuế TNDN phải nộp năm 2021 theo Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị định 92/NĐ-CP ngày 27/10/2021 về việc ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid -19.

**Các loại thuế khác:** được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**22. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Mẫu số B 09-HN/DN**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**23. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tổng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**24. Bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số 8.5.

**25. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro, lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Tổng Công ty có lĩnh vực kinh doanh chính là: Bán buôn, bán lẻ hàng hoá, thành phẩm, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác.

**Khu vực địa lý**

Hoạt động của Tổng Công ty được phân bổ chủ yếu tại miền Bắc và miền Nam.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****Mẫu số B 09 - DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
Tiền mặt	3.905.881.304	2.706.818.803
Tiền gửi ngân hàng	37.206.702.753	13.343.292.675
Tiền đang chuyển	871.269.890	1.314.668.757
Các khoản tương đương tiền (*)	13.485.173.081	468.017.210
<b>Cộng</b>	<b>55.469.027.028</b>	<b>17.832.797.445</b>

(\*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng.

**5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>238.419.441.338</b>	<b>247.718.502.444</b>
Công ty Cổ phần Phân Phối Hapro	32.312.522.393	31.023.286.221
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội	67.506.106.732	62.103.236.312
Phải thu đối tượng khác	138.600.812.213	154.591.979.911
<b>b) Phải thu khách hàng dài hạn</b>	<b>9.203.258.828</b>	<b>9.255.830.028</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội	1.346.186.666	1.346.186.666
Công ty TNHH Dũng Thủy	2.227.488.345	2.227.488.345
Đối tượng khác	5.629.583.817	5.682.155.017
<b>Cộng</b>	<b>247.622.700.166</b>	<b>256.974.332.472</b>

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại 8.5)

**5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>353.442.824.070</b>	<b>366.055.425.266</b>
Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Phúc An	124.844.680.827	109.223.395.958
Công ty TNHH MTV NS Hồng Thiên Phát	32.304.478.970	30.310.211.678
Trả trước khách hàng khác	196.293.664.273	226.521.817.630
<b>b) Trả trước cho người bán dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>353.442.824.070</b>	<b>366.055.425.266</b>

c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại 8.5)

**5.4 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	14.875.954.359	14.875.954.359
Công ty Cổ phần Sản xuất KD Gia súc Gia cầm	24.980.266.000	24.980.266.000
Công ty Cổ phần ĐTPT Hạ tầng TM Hà Nội	67.049.401.708	67.049.401.708
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Du lịch Hải An	113.000.000.000	55.000.000.000
Đối tượng khác	22.750.000.000	18.750.000.000
<b>Cộng</b>	<b>242.655.622.067</b>	<b>180.655.622.067</b>

Phải thu về cho vay là các bên liên quan (chi tiết tại 8.5)

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 09- DN/HN

**5.5 . NỢ XẤU**

Đơn vị tính: VND

**a) Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Liên kết Nguồn lực	121.094.666	-	121.094.666	-
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Hà Nội	84.467.075	-	84.467.075	-
Công ty TNHH SX & TM Đức Việt Hà	192.433.666	-	192.433.666	-
Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Thái Bình	69.156.640	-	69.156.640	-
Công ty TNHH Sản xuất - XNK An Lạc	20.034.401	-	20.034.401	-
Trường mầm non tư thực Hoàng Gia	476.649.141	-	476.649.141	-
Công ty TNHH VAC	1.047.776.190	-	1.047.776.190	-
Chi nhánh Công ty CP Phát triển siêu thị Hà Nội tại Hải Dương	184.336.628	-	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Nam Định	63.720.000	-	63.720.000	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Thanh Thảo	96.601.815	-	96.601.815	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trường An	100.500.027	-	100.500.027	-
Đối tượng khác	453.115.655	-	453.115.655	-
<b>Cộng</b>	<b>2.909.885.904</b>	<b>-</b>	<b>2.725.549.276</b>	<b>-</b>

**b) Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các đối tượng khác	96.335.382	-	96.335.382	-
<b>Cộng</b>	<b>96.335.382</b>	<b>-</b>	<b>96.335.382</b>	<b>-</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

5.6 . HÀNG TỒN KHO	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	310.750.000	-
Nguyên vật liệu	14.808.272.204	-	2.073.065.322	(537.472.828)
Công cụ, dụng cụ	15.098.040	-	184.947.683	-
Chi phí SXKD dở dang	1.234.270.601	-	1.193.312.960	-
Thành phẩm nhập kho	3.748.556.299	-	10.008.846.512	-
Hàng hóa	16.149.632.670	-	31.869.688.266	-
Hàng hóa bất động sản	1.210.933.333	-	1.210.933.333	-
Hàng gửi bán	107.711.640	-	141.133.543	-
<b>Cộng</b>	<b>37.274.474.787</b>	<b>-</b>	<b>46.992.677.619</b>	<b>(537.472.828)</b>

5.7 . PHẢI THU KHÁC	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>106.566.414.405</b>	<b>-</b>	<b>107.094.456.588</b>	<b>-</b>
Tạm ứng	10.349.277.546	-	9.881.627.573	-
Phải thu khác	96.217.136.859	-	97.212.829.015	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội	7.601.161.388	-	7.601.161.388	-
+ Sở Tài chính Hà Nội	38.508.516.474	-	38.508.516.474	-
+ Đối tượng khác	50.107.458.997	-	51.103.151.153	-
Cầm cổ, thế chấp, ký quỹ, ký cược				
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.195.426.865</b>	<b>-</b>	<b>2.323.026.865</b>	<b>-</b>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.195.426.865	-	2.323.026.865	-
<b>c) Phải thu khác là các bên liên quan (chi tiết tại 8.5)</b>				

5.8 . TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ	31/12/2021		01/01/2021	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Hàng tồn kho	-	6.510.181.637	-	6.510.181.637
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>6.510.181.637</b>	<b>-</b>	<b>6.510.181.637</b>

5.9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC	31/12/2021		01/01/2021	
<b>a) Ngắn hạn</b>		<b>19.318.686.877</b>		<b>19.703.985.143</b>
Công cụ, dụng cụ và chi phí trả trước khác		19.318.686.877		19.703.985.143
<b>b) Dài hạn</b>		<b>256.853.057.825</b>		<b>258.403.080.577</b>
Công cụ, dụng cụ và chi phí trả trước khác		236.652.904.717		235.092.553.173
Giá trị lợi thế thương mại khi cổ phần hoá Tổng Công ty		20.200.153.108		23.310.527.404
<b>Cộng</b>		<b>276.171.744.702</b>		<b>278.107.065.720</b>

5.10 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
Dự án khu nhà ở và khu phụ trợ Lê Chi, Gia Lâm, Hà Nội	466.315.603.794	-	462.822.951.772	-
<b>Cộng</b>	<b>466.315.603.794</b>	<b>-</b>	<b>462.822.951.772</b>	<b>-</b>



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****Mẫu số B 09 - DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

**5.10 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN (tiếp theo)**

<b>b) Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
+ Dự án số 5 Nam Bộ	-	37.441.835.806
+ Dự án Trung tâm Phân phối và Mua sắm Hà Nội	61.621.947.720	54.711.825.372
+ Dự án Chợ đầu mối phía Nam mở rộng	119.984.951.758	102.782.577.609
+ Xây dựng cơ bản khác	80.757.526.940	51.946.724.891
+ Sửa chữa lớn tài sản cố định	4.536.231.466	-
<b>Cộng</b>	<b>266.900.657.884</b>	<b>246.882.963.678</b>

**5.11 . TĂNG GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

<b>Khoản mục</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng trong năm</b>	<b>Giảm trong năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
<b>Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
<b>Nguyên giá</b>	<b>131.527.016.822</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>131.527.016.822</b>
<i>Nhà</i>	<i>97.669.924.568</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>97.669.924.568</i>
<i>Cơ sở hạ tầng</i>	<i>33.857.092.254</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>33.857.092.254</i>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>22.325.262.559</b>	<b>3.673.835.532</b>	<b>-</b>	<b>25.999.098.091</b>
<i>Nhà</i>	<i>9.959.764.874</i>	<i>2.748.048.768</i>	<i>-</i>	<i>12.707.813.642</i>
<i>Cơ sở hạ tầng</i>	<i>12.365.497.685</i>	<i>925.786.764</i>	<i>-</i>	<i>13.291.284.449</i>
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>109.201.754.263</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>105.527.918.731</b>
<i>Nhà</i>	<i>87.710.159.694</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>84.962.110.926</i>
<i>Cơ sở hạ tầng</i>	<i>21.491.594.569</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>20.565.807.805</i>

- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐS đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm tiền vay: 51.090.536.947 VND
- Nguyên giá BĐS đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn nắm giữ cho thuê hoặc chờ tăng giá: 0 VND

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 09- DN/HN

**5.12 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	663.730.125.916	43.944.474.960	14.109.201.369	6.917.872.062	5.123.919.813	733.825.594.120
Tăng trong năm	37.441.835.806	2.150.059.014	2.193.018.091	43.918.181	-	41.828.831.092
- Mua trong năm	-	290.335.000	-	-	-	290.335.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	37.441.835.806	-	35.000.000	-	-	37.476.835.806
- Tăng khác	-	1.859.724.014	2.158.018.091	43.918.181	-	4.061.660.286
Giảm trong năm	1.700.827.841	1.870.325.094	2.909.231.965	3.694.488.915	-	10.174.873.815
- Thanh lý, nhượng bán	1.228.350.128	1.791.406.913	2.909.231.965	3.694.488.915	-	9.623.477.921
- Giảm khác	472.477.713	78.918.181	-	-	-	551.395.894
Số dư cuối năm	699.471.133.881	44.224.208.880	13.392.987.495	3.267.301.328	5.123.919.813	765.479.551.397
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	186.475.821.134	16.286.456.683	8.433.949.412	3.743.467.003	1.373.467.710	216.313.161.942
Tăng trong năm	19.654.806.658	2.487.812.016	2.978.522.922	272.877.486	38.980.812	25.432.999.894
- Số khấu hao trong năm	19.654.806.658	1.389.556.377	1.155.820.304	237.731.714	38.980.812	22.476.895.865
- Tăng khác	-	1.098.255.639	1.822.702.618	35.145.772	-	2.956.104.029
Giảm trong năm	781.997.009	1.932.889.919	2.032.344.426	2.115.913.494	-	6.863.144.848
- Thanh lý, nhượng bán	597.192.986	1.808.306.376	2.032.344.426	2.115.913.494	-	6.553.757.282
- Giảm khác	184.804.023	124.583.543	-	-	-	309.387.566
Số dư cuối năm	205.348.630.783	16.841.378.780	9.380.127.908	1.900.430.995	1.412.448.522	234.883.016.988
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	477.254.304.782	27.658.018.277	5.675.251.957	3.174.405.059	3.750.452.103	517.512.432.178
2. Tại ngày cuối năm	494.122.503.098	27.382.830.100	4.012.859.587	1.366.870.333	3.711.471.291	530.596.534.409

**TÔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.13 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	45.845.913.581	3.949.109.533	32.500.000	<b>49.827.523.114</b>
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	45.845.913.581	3.949.109.533	32.500.000	<b>49.827.523.114</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	-	2.696.600.841	32.500.000	<b>2.729.100.841</b>
Tăng trong năm	-	325.667.804	-	<b>325.667.804</b>
- Số khấu hao trong năm	-	325.667.804	-	<b>325.667.804</b>
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	3.022.268.645	32.500.000	<b>3.054.768.645</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
1. Tại ngày đầu năm	45.845.913.581	1.252.508.692	-	<b>47.098.422.273</b>
2. Tại ngày cuối năm	45.845.913.581	926.840.888	-	<b>46.772.754.469</b>

• Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định vô hình dùng để cầm cố, thế chấp, đảm bảo khoản vay: 2.797.236.000 đồng

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Mẫu số B 09- DN/HN****5.14 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn****a1) Ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

**01/01/2021****31/12/2021**

	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi ngân hàng	-	-	11.000.000.000	11.000.000.000
Trái phiếu			140.000.000.000	140.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>151.000.000.000</b>	<b>151.000.000.000</b>

**b) Đầu tư vào các công ty liên kết****31/12/2021****01/01/2021**

	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư
Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu	3,33%	13.453.745.284	4,4%	14.326.145.132
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long	38,42%	28.399.852.303	38,42%	28.222.768.508
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Hà Nội	31,19%	9.278.805.576	31,19%	8.711.481.689
Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm	42,33%	4.327.749.293	42,33%	4.614.665.150
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội	33,42%	12.989.236.055	33,42%	12.885.575.241
Công ty Cổ phần KD XNK An Phú Hưng	40,00%	-	40,00%	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Thông tin Hapro	26,77%	1.002.430.555	26,77%	902.910.371
Công ty Cổ phần Thương mại Miền núi Phú Thọ	0,00%	-	26,99%	1.203.815.778
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Long Biên	30,94%	11.247.639.790	30,94%	10.220.949.746
Công ty TNHH Cao ốc Á Châu	40,00%	19.638.307.353	40,00%	19.087.594.942
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông sản Hà Nội	42,38%	20.993.692.418	42,38%	22.505.785.764

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.14 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****b) Đầu tư vào các công ty liên kết**

Mẫu số B 09- DN/HN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư
Công ty Cổ phần phân phối Hapro	25,50%	-	25,50%	-
Công ty Cổ phần Nội thất sinh thái Hapro	20,00%	-	20%	-
Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi	30,00%	2.642.242.940	30,00%	2.770.937.738
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Du lịch Hà Nội	40,00%	-	40,00%	1.304.537.179
Công ty Cổ phần Thủy Tạ	30,00%	11.847.952.205	30,00%	12.935.085.030
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Chợ Bưởi	30,00%	4.257.875.114	30%	5.197.835.120
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	20,00%	22.839.415.626	20,00%	23.974.401.654
<b>Cộng</b>		<b>162.918.944.512</b>		<b>172.864.489.043</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 09a - DN/HN

**5.14 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****c) Đầu tư vào đơn vị khác**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội	16.506.975.469	-	(*)	16.506.975.469
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN	1.295.000.000	1.295.000.000	(*)	1.295.000.000
Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội	780.000.000	-	(*)	780.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Toàn Cầu	22.973.117.966	-	(*)	22.973.117.966
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Cointra	1.000.000.000	-	(*)	1.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Trang Tiên	10.065.485.897	-	(*)	10.065.485.897
Công ty Cổ phần SX Thương mại Dịch vụ Tân Mỹ	5.818.871.221	-	(*)	5.818.871.221
Liên danh TTTM Chợ Ngã Tư Sở	5.550.000.000	-	(*)	5.550.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên	2.014.246.551	-	(*)	2.014.246.551
Công ty Cổ phần XNK Điều Việt Hà	-	-	(*)	-
Đối tượng khác	300.000.000	-	(*)	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>66.303.697.104</b>	<b>1.295.000.000</b>	<b>(*)</b>	<b>66.303.697.104</b>

(\*) Xem Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc số 8.3 (iv) - Giá trị hợp lý

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 09a - DN/HN

**c) Đầu tư vào đơn vị khác (tiếp theo)****Chi tiết tỷ lệ vốn nắm giữ và quyền biểu quyết ở từng Công ty như sau:**

	31/12/2021			01/01/2021		
	Vốn góp của CSH	Tỷ lệ nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Vốn góp của CSH	Tỷ lệ nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Gốm sứ Chu Đậu Hải Dương	-	3,30%	3,30%	-	4,00%	4,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội	16.506.975.469	15%	15%	16.506.975.469	15%	15%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN	1.295.000.000	6,11%	6,11%	1.295.000.000	6,11%	6,11%
Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội	780.000.000	0,50%	0,50%	780.000.000	0,50%	0,50%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Toàn cầu	22.973.117.966	3,20%	3,20%	22.973.117.966	3,20%	3,20%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Cointra	1.000.000.000	10,00%	10,00%	1.000.000.000	10,00%	10,00%
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Trảng Tiền	10.065.485.897	10,00%	10,00%	10.065.485.897	10,00%	10,00%
Công ty Cổ phần SX Thương mại Dịch vụ Tân Mỹ	5.818.871.221	6,00%	6,00%	5.818.871.221	6,00%	6,00%
Liên danh TTTM Chợ Ngã Tư Sở	5.550.000.000	-	-	5.550.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên	2.014.246.551	5,00%	5,00%	2.014.246.551	5,00%	5,00%
Đối tượng khác	300.000.000	0,25%	0,25%	300.000.000	0,25%	0,25%

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

**5.15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>32.131.759.960</b>	<b>32.131.759.960</b>	<b>40.459.033.232</b>	<b>40.459.033.232</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng TM Hà Nội	5.045.419.663	5.045.419.663	5.802.528.883	5.802.528.883
Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam	1.092.074.043	1.092.074.043	1.092.074.043	1.092.074.043
Công ty TNHH bán lẻ BRG	123.796.695	123.796.695	491.023.138	491.023.138
Đối tượng khác	25.870.469.559	25.870.469.559	33.073.407.168	33.073.407.168
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>32.131.759.960</b>	<b>32.131.759.960</b>	<b>40.459.033.232</b>	<b>40.459.033.232</b>

d) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại 8.5)

**5.16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>14.262.235.867</b>	<b>14.262.235.867</b>	<b>9.597.236.559</b>	<b>9.597.236.559</b>
Bright Overseas Food	-	-	1.297.124.400	1.297.124.400
Fertoz Agricul Ture Pty,Ltd.	1.163.664.662	1.163.664.662	1.243.149.416	1.243.149.416
Frech Inter Import	-	-	1.004.466.900	1.004.466.900
Các đối tượng khác	13.098.571.205	13.098.571.205	6.052.495.843	6.052.495.843
<b>b) Người mua trả tiền trước dài hạn</b>	<b>55.699.264.705</b>	<b>55.699.264.705</b>	<b>56.067.446.523</b>	<b>56.067.446.523</b>
Vũ Thị Thanh Mai	2.164.296.032	2.164.296.032	2.164.296.032	2.164.296.032
Nguyễn Văn Thịnh	2.324.806.381	2.324.806.381	2.324.806.381	2.324.806.381
Nguyễn Thị Thanh Thủy	2.538.975.103	2.538.975.103	2.538.975.103	2.538.975.103
Các đối tượng khác	48.671.187.189	48.671.187.189	49.039.369.007	49.039.369.007
<b>Cộng</b>	<b>69.961.500.572</b>	<b>69.961.500.572</b>	<b>65.664.683.082</b>	<b>65.664.683.082</b>

c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (chi tiết tại 8.5)

**5.17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí thường xuyên	6.688.217.889	6.333.095.822
<b>Cộng</b>	<b>6.688.217.889</b>	<b>6.333.095.822</b>

**5.18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	31/12/2021	01/01/2021
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>5.574.722.466</b>	<b>6.743.287.641</b>
Doanh thu nhận trước	5.574.722.466	6.743.287.641
<b>b) Dài hạn</b>	<b>58.936.937.637</b>	<b>61.453.839.705</b>
Doanh thu nhận trước	58.936.937.637	61.453.839.705
<b>Cộng</b>	<b>64.511.660.103</b>	<b>68.197.127.346</b>



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****Mẫu số B 09 - DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

**5.19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

a) Phải nộp	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm
Thuế GTGT	1.080.178.726	5.146.956.752	5.434.523.579	792.611.899
Thuế tiêu thụ đặc biệt	28.298.800	332.686.704	339.219.525	21.765.979
Thuế xuất, nhập khẩu	-	216.977.594	216.977.594	-
Thuế TNDN	78.262.923	58.291.691	121.262.923	15.291.691
Thuế TNCN	181.374.355	1.128.990.104	1.069.429.305	240.935.154
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	889.404.358	69.790.354.916	70.105.131.046	574.628.228
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	-	116.500.000	112.500.000	4.000.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	7.520.000	320.460.653	323.740.878	4.239.775
<b>Cộng</b>	<b>2.265.039.162</b>	<b>77.111.218.414</b>	<b>77.722.784.850</b>	<b>1.653.472.726</b>

b) Phải thu	Đầu năm	Số phải thu trong năm	Số đã thu trong năm	Cuối năm
Thuế GTGT	1.248.354	-	-	1.248.354
Thuế TNDN	410.695.256	245.793.088	163.501.433	492.986.911
Thuế TNCN	22.328.493	-	1.823.437	20.505.056
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	156.264.941	186.552.603	144.552.603	198.264.941
<b>Cộng</b>	<b>590.537.044</b>	<b>432.345.691</b>	<b>309.877.473</b>	<b>713.005.262</b>

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.20 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2021	01/01/2021
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>63.138.339.649</b>	<b>63.669.831.533</b>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	60.535.451	29.469.627
- Kinh phí công đoàn;	251.261.585	208.618.337
- Bảo hiểm xã hội;	550.539.479	261.842.060
- Bảo hiểm y tế	49.597.565	51.391.876
- Bảo hiểm thất nghiệp;	60.535.022	65.537.989
- Phải trả về cổ phần hoá;	9.637.932	9.637.932
- Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	314.853.600	473.753.600
- Phải thu khác	-	422.350.907
- Phải trả khác	61.841.379.015	62.147.229.205
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji	50.000.000.000	50.000.000.000
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.841.379.015	12.147.229.205
<b>b) Dài hạn</b>	<b>13.195.319.995</b>	<b>10.971.050.287</b>
Phải trả, phải nộp khác	2.296.500.000	2.013.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	10.898.819.995	8.958.050.287

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 09 - DN/HN

**5.21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	31/12/2021		Trong năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	
<b>a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>	<b>216.150.172.805</b>	<b>216.150.172.805</b>	<b>468.636.079.573</b>	<b>435.058.142.473</b>	<b>182.572.235.705</b>
<b>a1) Vay ngắn hạn</b>	<b>153.513.699.241</b>	<b>153.513.699.241</b>	<b>405.999.606.009</b>	<b>408.448.142.473</b>	<b>155.962.235.705</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	-	-	-	22.983.011.160	22.983.011.160
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hồ Chí Minh	22.541.788.350	22.541.788.350	65.708.799.866	58.567.928.516	15.400.917.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - CN Hà Nội	-	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hồ Chí Minh	19.300.400.000	19.300.400.000	83.468.400.000	83.038.000.000	18.870.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà thành phố Hồ Chí Minh	-	-	17.163.000.000	22.989.000.000	5.826.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long	23.082.232.000	23.082.232.000	37.257.506.700	14.175.274.700	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội	27.282.353.328	27.282.353.328	82.589.833.200	117.863.067.590	62.555.587.718
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội (Khoản vay của chi nhánh Đồng Tháp)	13.577.643.274	13.577.643.274	13.577.643.274	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hà Nội	-	-	7.267.400.000	7.267.400.000	-
Ngân hàng TMCP SHB - Phòng giao dịch Lạc Long Quân	1.037.000.000	1.037.000.000	4.197.415.000	3.160.415.000	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội	8.809.282.401	8.809.282.401	-	-	8.809.282.401

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	<b>Mẫu số B 09 - DN/HN</b>					
Vay cá nhân và nguồn vốn huy động từ các đơn vị khác	24.769.961.348	24.769.961.348	57.233.933.429	44.111.409.507	11.647.437.426	11.647.437.426
Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước (*)	8.927.038.540	8.927.038.540	8.927.038.540	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Dương	-	-	6.114.000.000	7.504.000.000	1.390.000.000	1.390.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương	-	-	7.888.636.000	10.368.636.000	2.480.000.000	2.480.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	4.186.000.000	4.186.000.000	14.246.000.000	10.060.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Khâm Thiên	-	-	360.000.000	360.000.000	-	-
<b>a2) Vay dài hạn tới hạn trả</b>	<b>62.636.473.564</b>	<b>62.636.473.564</b>	<b>62.636.473.564</b>	<b>26.610.000.000</b>	<b>26.610.000.000</b>	<b>26.610.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội	62.636.473.564	62.636.473.564	62.636.473.564	26.610.000.000	26.610.000.000	26.610.000.000
<b>b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>	<b>274.569.198.912</b>	<b>274.569.198.912</b>	<b>3.221.576.746</b>	<b>63.079.656.336</b>	<b>334.427.278.502</b>	<b>334.427.278.502</b>
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội - Dự án khu nhà ở	740.029.307	740.029.307	-	-	740.029.307	740.029.307
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội	266.003.960.476	266.003.960.476	-	62.636.473.564	328.640.434.040	328.640.434.040
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội - Dự án TTTM và DV Thương Định	2.828.393.974	2.828.393.974	3.221.576.746	393.182.772	-	-
Vay cá nhân	1.700.000.000	1.700.000.000	-	-	1.700.000.000	1.700.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	3.296.815.155	3.296.815.155	-	50.000.000	3.346.815.155	3.346.815.155
<b>Cộng</b>	<b>490.719.371.717</b>	<b>490.719.371.717</b>	<b>471.857.656.319</b>	<b>498.137.798.809</b>	<b>516.999.514.207</b>	<b>516.999.514.207</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 09 - DN/HN

**5.22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>2.200.000.000.000</b>	<b>315.664.802</b>	<b>46.048.002</b>	-	<b>16.834.960.235</b>	<b>17.289.841.741</b>	<b>24.405.441</b>	<b>89.364.049.226</b>	<b>2.323.874.969.447</b>
Tăng vốn năm trước	-	-	-	-	-	2.967.075.000	-	-	2.967.075.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	2.181.974.071	2.181.974.071
Tăng khác	-	-	4.087.681	-	-	1.191.227.271	30.738.883	-	1.226.053.835
Tăng do phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	33.381.940.928	-	33.381.940.928
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	(79.607.403.657)	(79.607.403.657)
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(2.232.513.564)	-	-	(2.232.513.564)
Giảm do thoái vốn	-	-	-	-	-	-	-	(400.880.777)	(400.880.777)
Giảm khác	-	-	(22.563.521)	(529.920.000)	-	-	-	(1.000.145.821)	(1.552.629.342)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>2.200.000.000.000</b>	<b>315.664.802</b>	<b>27.572.162</b>	<b>(529.920.000)</b>	<b>16.834.960.235</b>	<b>19.215.630.448</b>	<b>33.437.085.252</b>	<b>10.537.593.042</b>	<b>2.279.838.585.941</b>
Tăng khác	-	-	-	-	-	4.019.535.751	-	-	4.019.535.751
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	-	-	-	(239.583.269)	(239.583.269)
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(2.837.945.532)	-	989.800.699	(1.848.144.833)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(5.777.437.173)	(5.129.940.453)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.200.000.000.000</b>	<b>315.664.802</b>	<b>27.572.162</b>	<b>(529.920.000)</b>	<b>16.834.960.235</b>	<b>20.397.220.667</b>	<b>33.437.085.252</b>	<b>6.157.870.019</b>	<b>2.276.640.453.136</b>

(\*) Theo Nghị quyết ngày 07/05/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021:

Quỹ khen thưởng phúc lợi  
239.583.269

**239.583.269**

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

**5.22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH Motor N.A Việt Nam	65,00%	1.430.000.000.000	1.430.000.000.000
Công ty TNHH TM Ô tô Thành Công	12,53%	275.781.250.000	275.781.250.000
Công ty TNHH TM ĐT và XNK An Phú	19,29%	424.375.690.000	318.709.220.000
Các Cổ đông khác	3,18%	69.843.060.000	175.509.530.000
<b>Tổng</b>	<b>100%</b>	<b>2.200.000.000.000</b>	<b>2.200.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2021	Năm 2020
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	2.200.000.000.000	2.200.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	2.200.000.000.000	2.200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	44.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	220.000.000	220.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	220.000.000	220.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	220.000.000	220.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	41.400	41.400
- Cổ phiếu phổ thông	41.400	41.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	219.958.600	219.958.600
- Cổ phiếu phổ thông	219.958.600	219.958.600
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

**e) Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2021	01/01/2021
- Quỹ đầu tư phát triển	33.437.085.252	33.437.085.252
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	27.572.162	27.572.162

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT****6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ****a) Doanh thu**

	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu thành phẩm hàng hóa	491.432.823.004	816.152.598.485
Doanh thu cung cấp dịch vụ	125.378.734.981	128.796.047.395
Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.743.293.931	1.993.728.822
<b>Cộng</b>	<b>618.554.851.916</b>	<b>946.942.374.702</b>

**6.2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2021	Năm 2020
Chiết khấu thương mại	12.594.266	29.696.984
Giảm giá hàng bán	-	764.015.000
Hàng bán bị trả lại	37.606.785	5.674.477.564
<b>Cộng</b>	<b>50.201.051</b>	<b>6.468.189.548</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

<b>6.3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa	429.698.437.632	737.795.977.274
Giá vốn dịch vụ	100.047.765.888	78.679.648.909
Giá vốn kinh doanh bất động sản	925.786.764	925.786.764
<b>Cộng</b>	<b>530.671.990.284</b>	<b>817.401.412.947</b>
<b>6.4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
Lãi tiền gửi, cho vay	46.009.227.480	64.862.611.384
Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.491.203.875	13.399.219.322
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.267.575.877	5.473.997.601
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	131.452.000
Doanh thu tài chính khác	11.441.961.988	5.184.407.676
<b>Cộng</b>	<b>76.209.969.220</b>	<b>89.051.687.983</b>
<b>6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
Lãi tiền vay	45.269.185.910	46.837.579.161
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	72.986.612
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.505.823.186	5.220.945.109
Dự phòng đầu tư tài chính	1.295.001.846	-
Chi phí tài chính khác	44.594.125	1.805.588.040
<b>Cộng</b>	<b>48.114.605.067</b>	<b>53.937.098.922</b>
<b>6.6 . THU NHẬP KHÁC</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
Lãi từ hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ	324.633.169	-
+ Thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ	652.672.671	-
+ Chi từ hoạt động thanh lý TSCĐ	328.039.502	-
Tiền phạt, tiền đền bù thu được	1.332.941.701	-
Thu từ cho thuê tài sản với các cửa hàng	1.752.040.629	-
Các khoản khác	16.631.465.513	5.735.981.083
<b>Cộng</b>	<b>20.041.081.012</b>	<b>5.735.981.083</b>
<b>6.7 . CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
Lỗ từ hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ	769.074.501	-
- Thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ	743.181.816	-
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý nhượng bán	1.512.256.317	-
Các khoản phạt	54.984.000	-
Thanh lý công cụ dụng cụ	56.140.650	-
Các khoản khác	2.259.790.506	1.357.456.055
<b>Cộng</b>	<b>3.139.989.657</b>	<b>1.357.456.055</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

<b>6.8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
<b>a) Chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>49.157.205.780</b>	<b>61.506.324.973</b>
Chi phí nhân viên	18.491.980.563	18.086.966.106
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	799.864.463	1.860.113.139
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	456.801.236	853.106.843
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.994.943.626	3.079.792.108
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.635.879.392	31.479.190.542
Chi phí khác bằng tiền	9.777.736.500	6.147.156.235
<b>b) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>89.312.831.539</b>	<b>93.921.109.767</b>
Chi phí nhân viên	31.811.643.714	37.656.962.584
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	180.734.060	192.286.879
Chi phí đồ dùng văn phòng	507.569.671	1.123.645.830
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.613.982.580	13.249.085.749
Thuế, phí và lệ phí	475.429.543	422.424.114
Chi phí dự phòng	184.336.628	1.759.713.687
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.591.458.454	20.411.820.231
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	159.825.090	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	29.787.851.799	19.105.170.693
<b>Cộng</b>	<b>138.470.037.319</b>	<b>155.427.434.740</b>
<b>6.9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.057.967.096	10.793.961.519
Chi phí nhân công	30.479.816.932	61.479.814.072
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.476.399.201	27.611.559.790
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.372.584.453	120.981.199.781
Chi phí khác	11.829.745.825	35.718.029.288
<b>Cộng</b>	<b>95.216.513.507</b>	<b>256.584.564.450</b>
<b>6.10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	221.793.124	260.222.108
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (3)=(1)+(2)</b>	<b>221.793.124</b>	<b>260.222.108</b>
<b>6.11 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc loại trừ khoản đầu tư tài chính trích lập trong năm	-	37.003.411
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>-</b>	<b>37.003.411</b>
<b>6.12 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:		
Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu	989.800.699	2.181.974.071
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	219.958.600	219.979.300
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>4,50</b>	<b>9,92</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>4,50</b>	<b>9,92</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

*Đơn vị tính: VND*

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

**1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

**Năm nay**

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

409.221.182.755

**2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

**Năm nay**

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

435.501.325.245

**8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**8.1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

**8.2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**8.3. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**8.3.1. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Chính yếu)**

Thông tin kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

Năm 2021

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>MIỀN BẮC</b>	<b>MIỀN NAM</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>
Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ	311.641.571.126	306.913.280.790	618.554.851.916
Các khoản giảm trừ doanh thu	50.201.051	-	50.201.051
Giá vốn hàng bán	230.993.861.057	299.678.129.227	530.671.990.284
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>80.597.509.018</b>	<b>7.235.151.563</b>	<b>87.832.660.581</b>
Tổng tài sản			<b>3.025.589.896.432</b>
Nợ phải trả			<b>748.949.443.296</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>			<b>54.549.822.080</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>			<b>43.462.436.841</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>			<b>-</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Năm 2020**

**Mẫu số B 09 - DN/HN**  
Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>MIỀN BẮC</b>	<b>MIỀN NAM</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>
Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ	608.843.049.519	338.099.325.183	946.942.374.702
Các khoản giảm trừ doanh thu	2.796.656.984	3.671.532.564	6.468.189.548
Giá vốn hàng bán	486.414.111.189	330.987.301.758	817.401.412.947
<b>Tổng tài sản</b>	<b>119.632.281.346</b>	<b>3.440.490.861</b>	<b>123.072.772.207</b>
<b>Nợ phải trả</b>			<b>3.063.135.574.892</b>
			<b>783.296.988.951</b>

**Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác**

**Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn**

**Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)**

**84.275.362.797**

**55.324.852.708**

-

**TÓNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Đơn vị tính: VND

**8.3.2. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Thứ yếu)**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa và doanh thu cung cấp dịch vụ. Chi tiết kết quả kinh doanh theo từng lĩnh vực kinh doanh như sau:

**Năm 2021**

CHỈ TIÊU	Bán thành phẩm, hàng hoá	Cung cấp dịch vụ	Hoạt động khác	Tổng cộng
Doanh thu	491.432.823.004	125.378.734.981	1.743.293.931	618.554.851.916
Các khoản giảm trừ doanh thu	50.201.051	-	-	50.201.051
Giá vốn hàng bán	429.698.437.632	100.047.765.888	925.786.764	530.671.990.284
Lợi nhuận gộp	61.684.184.321	25.330.969.093	817.507.167	87.832.660.581

**Năm 2020**

CHỈ TIÊU	Bán thành phẩm hàng hoá	Cung cấp dịch vụ	Hoạt động khác	Tổng cộng
Doanh thu	816.152.598.485	128.796.047.395	1.993.728.822	946.942.374.702
Các khoản giảm trừ doanh thu	6.468.189.548	-	-	6.468.189.548
Giá vốn hàng bán	737.795.977.274	78.679.648.909	925.786.764	817.401.412.947
Lợi nhuận gộp	71.888.431.663	50.116.398.486	1.067.942.058	123.072.772.207

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

**8.4 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Tổng Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Tổng Công ty).

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro về ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tổng Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Tổng Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tổng Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tổng Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Tổng Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Tổng Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tổng Công ty theo chính sách của Tổng Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Tổng Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tổng Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****Mẫu số B 09 - DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Tổng Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tổng Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
<b>31/12/2021</b>	<b>400.454.882.771</b>	<b>237.031.327.309</b>	<b>637.486.210.080</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.469.027.028	-	55.469.027.028
Phải thu khách hàng	238.419.441.338	9.203.258.828	247.622.700.166
Đầu tư	-	226.632.641.616	226.632.641.616
Phải thu khác	106.566.414.405	1.195.426.865	107.761.841.270
<b>Trừ:</b>	<b>(2.909.885.904)</b>	<b>(96.335.382)</b>	<b>(3.006.221.286)</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.909.885.904)	(96.335.382)	(3.006.221.286)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>397.544.996.867</b>	<b>236.934.991.927</b>	<b>634.479.988.794</b>
Các khoản vay và nợ	216.150.172.805	274.569.198.912	490.719.371.717
Phải trả người bán	32.131.759.960	-	32.131.759.960
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	69.826.557.538	13.195.319.995	83.021.877.533
<b>Tổng cộng</b>	<b>318.108.490.303</b>	<b>287.764.518.907</b>	<b>605.873.009.210</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>79.436.506.564</b>	<b>(50.829.526.980)</b>	<b>28.606.979.584</b>
	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 năm trở lên</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>01/01/2021</b>	<b>523.645.756.477</b>	<b>250.747.043.040</b>	<b>774.392.799.517</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.832.797.445	-	17.832.797.445
Phải thu khách hàng	247.718.502.444	9.255.830.028	256.974.332.472
Đầu tư	151.000.000.000	239.168.186.147	390.168.186.147
Phải thu khác	107.094.456.588	2.323.026.865	109.417.483.453
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b>Trừ:</b>	<b>(2.725.549.276)</b>	<b>(96.335.382)</b>	<b>(2.821.884.658)</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.725.549.276)	(96.335.382)	(2.821.884.658)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>520.920.207.201</b>	<b>250.650.707.658</b>	<b>771.570.914.859</b>
Các khoản vay và nợ	182.572.235.705	334.427.278.502	516.999.514.207
Phải trả người bán	40.459.033.232	-	40.459.033.232
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	70.002.927.355	10.971.050.287	80.973.977.642
<b>Tổng cộng</b>	<b>293.034.196.292</b>	<b>345.398.328.789</b>	<b>638.432.525.081</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>227.886.010.909</b>	<b>(94.747.621.132)</b>	<b>133.138.389.778</b>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Đơn vị tính: VND

**(iv) Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ bằng giá gốc trừ các khoản dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	151.000.000.000	-	151.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	355.384.541.436	366.391.815.925	352.378.320.150	363.569.931.267
Các khoản Đầu tư tài chính vào đơn vị khác	227.927.641.616	239.168.186.147	(*)	(*)
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.469.027.028	17.832.797.445	55.469.027.028	17.832.797.445
<b>Tổng cộng</b>	<b>638.781.210.080</b>	<b>774.392.799.517</b>	<b>(*)</b>	<b>(*)</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	490.719.371.717	516.999.514.207	490.719.371.717	516.999.514.207
Phải trả người bán	32.131.759.960	40.459.033.232	32.131.759.960	40.459.033.232
Phải trả khác	76.333.659.644	74.640.881.820	76.333.659.644	74.640.881.820
<b>Tổng cộng</b>	<b>599.184.791.321</b>	<b>632.099.429.259</b>	<b>599.184.791.321</b>	<b>632.099.429.259</b>

(\*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cho mục đích thuyết minh.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2021 và ngày 01/01/2021. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****Mẫu số B 09 - DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

**8.5 . Thông tin về các bên liên quan****a) Các bên liên quan****Bên liên quan**

Nguyễn Thái Dũng

Vũ Thanh Sơn

Trần Anh Tuấn

Trần Thị Tuyết Nhung

Khúc Thị Quỳnh Lâm

Đình Tiến Thành

Dương Thị Lam

Đỗ Tuệ Tâm

Lê Anh Tuấn

Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu

Công ty Cổ phần Vang Thăng Long

Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Hà Nội

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển  
Hạ tầng Thương mại Hà Nội

Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm

Công ty Cổ phần KD XNK An Phú Hưng

Công ty Cổ phần ĐTTM và Dịch vụ Chợ Bưởi

Công ty Cổ phần thông tin Hapro

Công ty Cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên

Công ty TNHH Cao ốc Á Châu

Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông  
sản Hà Nội

Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi

Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Du lịch  
Hà Nội

Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội

Công ty Cổ phần Thủy Tạ

Công ty Cổ phần Nội thất Sinh thái Hapro

**Mối quan hệ**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị - Từ nhiệm ngày 27/05/2021

Phó Tổng Giám đốc (Từ nhiệm ngày 16/09/2021)

Phó Tổng giám đốc - Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc

Phó Tổng giám đốc

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****Mẫu số B 09 - DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

**8.5 . Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)****a) Các bên liên quan**

<b><u>Bên liên quan</u></b>	<b><u>Mối quan hệ</u></b>
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	Công ty liên kết
Công ty CP Gốm sứ Chu Đậu Hải Dương	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Toàn cầu	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Cointra	Công ty nhận vốn góp
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tràng Tiền	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần SX Thương mại Dịch vụ Tân Mỹ	Công ty nhận vốn góp
Liên danh TTTM Chợ Ngã Tư Sở	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Điều Việt Hà	Công ty nhận vốn góp
Công ty TNHH Ô tô Thành Công	Cổ đông của Công ty
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Xuất nhập khẩu An Phú	Cổ đông của Công ty
Công ty TNHH Motor N.A Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ Phần Intimex Việt Nam	Cùng công ty mẹ

**b) Thu nhập trong năm của các thành viên trong Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát**

	<b>Năm 2021</b>
Hội đồng Quản trị - Thù lao và thu nhập khác	700.000.000
Ban Kiểm soát- Lương và thu nhập khác	260.000.000
Ban Tổng giám đốc - Lương và thu nhập khác	4.127.410.129
<b>Cộng</b>	<b>5.087.410.129</b>

**c) Giao dịch với các bên liên quan****Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
<b>Bán hàng</b>		<b>13.406.566.033</b>	<b>16.310.663.166</b>
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long	Bán hàng	181.502.498	334.150.170
Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm	Bán hàng	1.932.579.153	2.082.694.340
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Thương mại Hà Nội	Bán hàng	5.732.432.424	7.866.569.903
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	Bán hàng	1.933.787.598	2.013.853.166
Công ty Cổ phần Thông tin Hapro	Bán hàng	93.360.991	850.277.190
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Long Biên	Bán hàng	487.135.188	65.282.164
Công ty Cổ phần Nội thất sinh thái Hapro	Bán hàng	469.362.715	450.758.477



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****Mẫu số B 09 - DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

**8.5 Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)****c) Giao dịch với các bên liên quan***Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:*

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2021	Năm 2020
<b>Bán hàng (tiếp theo)</b>			
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội	Bán hàng	-	478.472.835
Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu	Bán hàng	1.515.867.469	1.193.445.913
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	Bán hàng	439.012.301	212.043.146
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Chợ Bưởi	Bán hàng	-	284.545
Công ty Cổ phần Thủy Tạ	Bán hàng	5.187.700	27.043.572
Công ty Cổ Phần Intimex Việt Nam	Bán hàng	616.337.996	735.787.745
		<b>15.877.139.513</b>	<b>39.342.947.692</b>
<b>Mua hàng</b>			
Công ty Cổ phần Nội thất sinh thái Hapro	Mua hàng	-	2.808.761.705
Công ty Cổ phần Thông tin Hapro	Mua hàng	2.460.476.673	3.542.969.580
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng thương mại Hà Nội	Mua hàng	11.989.951.383	28.843.980.438
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	Mua hàng	214.160.254	155.514.867
Công ty Cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên	Mua hàng	-	2.871.000
Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm	Mua hàng	7.146.375	88.230
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội	Mua hàng	306.636.213	-
Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu	Mua hàng	709.488.182	806.909.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	Mua hàng	51.522.367	-
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long	Mua hàng	1.407.273	2.016.380.000
Công ty TNHH Motor N.A Việt Nam	Mua hàng	22.683.500	-
Công ty Cổ phần Thủy Tạ	Mua hàng	113.667.293	73.398.829
Công ty Cổ Phần Intimex Việt Nam	Mua hàng	-	1.092.074.043
<b>Nhận cổ tức</b>			<b>Năm 2021</b>
			<b>16.443.459.826</b>
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tân Mỹ			2.292.000.000
Công ty TNHH Đầu tư thương mại Trảng Tiền			5.917.037.109
Công ty TNHH Cao ốc Á Châu			1.929.655.217
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông sản Hà Nội			932.250.000
Công ty Cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên			440.923.500
Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên			60.000.000
Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu			4.200.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Toàn Cầu			671.594.000

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****Mẫu số B 09 - DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

**8.5 . Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)****d) Số dư với các bên liên quan***Vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán, số dư của Công ty với các bên liên quan như sau:*

<b>Bên liên quan</b>	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
<b>I. Phải thu khách hàng</b>	<b>132.114.679.937</b>	<b>122.952.683.766</b>
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	32.312.522.393	31.023.286.221
Công ty Cổ phần KD XNK An Phú Hưng	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng thương mại Hà Nội	68.852.293.398	63.449.422.978
Công ty Cổ Phần Nội Thất Sinh Thái Hapro	5.077.196.938	4.807.058.151
Công ty Cổ phần Phát triển thương mại và Du lịch Hà Nội	6.703.124.324	6.703.124.324
Công ty Cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên	178.840.173	11.979.073
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long	354.705.606	253.440.404
Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm	18.271.634.230	16.530.145.264
Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu	23.763.409	42.364.305
Công ty Cổ phần Thủy Tạ	-	10.011.546
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội		21.851.500
Công ty Cổ phần XNK Điều Việt Hà	110.819.466	-
Công ty Cổ Phần Intimex Việt Nam	129.780.000	-
<b>II. Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>111.555.622.067</b>	<b>111.555.622.067</b>
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	14.875.954.359	14.875.954.359
Công ty Cổ phần Nội thất sinh thái Hapro	4.650.000.000	4.650.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng Thương mại Hà Nội	67.049.401.708	67.049.401.708
Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm	24.980.266.000	24.980.266.000
<b>III. Phải trả người bán</b>	<b>6.438.742.863</b>	<b>11.162.577.968</b>
Công ty Cổ Phần Intimex Việt Nam	1.092.481.361	1.092.074.043
Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu	-	25.795.300
Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm	-	11.367.349
Công ty Cổ phần Thủy Tạ	-	101.674.462
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	-	515.629.130
Công ty Cổ phần Nội thất Sinh thái Hapro	-	16.936.100
Công ty Cổ phần Phân Phối Hapro	260.541.579	3.596.572.701
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội	5.045.419.663	5.802.528.883

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

**8.5 . Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)****d) Số dư với các bên liên quan***Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, số dư của Công ty với các bên liên quan như sau*

Bên liên quan	31/12/2021	01/01/2021
<b>III. Trả trước cho người bán</b>	<b>78.262.827.043</b>	<b>47.723.344.616</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng thương mại Hà Nội	134.341.096	-
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long	1.800.000.000	-
Công ty Cổ phần XNK Điều Việt Hà	28.605.141.331	-
Công ty Cổ phần thông tin Hapro	55.975.386	55.975.386
Công ty Cổ phần KD XNK An Phú Hưng	28.506.961.465	28.506.961.465
Công ty Cổ phần XNK Điều Việt Hà	19.160.407.765	19.160.407.765
<b>IV. Phải thu khác</b>	<b>9.257.909.681</b>	<b>9.557.909.681</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng Thương mại Hà Nội	7.601.161.388	7.901.161.388
Công ty Cổ Phần Nội Thất Sinh Thái Hapro	1.100.795.813	1.100.795.813
Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm	169.673.555	169.673.555
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	386.278.925	386.278.925
<b>V. Nhận ký quỹ, ký cược</b>	<b>94.380.000</b>	<b>-</b>
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội	94.380.000	-

**8.7 . Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 của Tổng công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán.

**8.8 . Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

**8.9 . Những thông tin khác**

Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần thuộc kế hoạch Cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2016 – 2020. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30/06/2016. Thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần ngày 29/06/2018. Tổng Công ty đã tuân thủ quy định hiện hành về xác định giá trị doanh nghiệp, tuân thủ quy định pháp luật trong việc thực hiện cổ phần hóa và theo các hướng dẫn của các văn bản về cổ phần hóa. Theo quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 về việc phê duyệt giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm chuyển Công ty mẹ - Tổng Công ty Thương mại Hà Nội thành Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần và Biên bản bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Thương mại Hà Nội sang Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần ngày 17/01/2019 có sự chứng kiến bàn giao của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Chi cục Tài chính Doanh nghiệp, Đảng ủy khối Doanh nghiệp Nhà nước.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






NGUYỄN THU HẰNG

DƯƠNG THỊ LAM

VŨ THANH SƠN